

Số: 09/2020/QĐST – HNGĐ.

M, ngày 20 tháng 01 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 144/2019 /TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T – SN: 1988

Bị đơn: Chị Phạm Thị Ph - SN: 1988

Đều địa chỉ: Tổ dân phố Đ - Phường B – Thị xã M – tỉnh H

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Phạm Hương Gi – SN: 09/06/2013

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Gi: Anh Phạm Văn T – SN: 1988

Đều địa chỉ: Tổ dân phố Đ - Phường B – Thị xã M – tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Phạm Văn T – SN: 1988

Chị Phạm Thị Ph - SN: 1988

Đều địa chỉ: Tổ dân phố Đ - Phường B – Thị xã M – tỉnh H

2/- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị Ph thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh chị xác nhận vợ chồng sinh được 01 con chung là Phạm Hương Gi – SN: 09/06/2013. Anh chị thỏa thuận giao cháu Gi cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu thành niên, anh T tự nguyện không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con. Anh T là người đại diện theo pháp luật cho cháu Gi.

Chị Ph được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- **Về tài sản, nợ, công sức, ruộng nông nghiệp:** Không có.

- **Về án phí:** Anh T tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu số 0004141 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M. Trả lại anh T số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Anh T đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

3/- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự.*
- *VKSND thị xã M*
- *Chi cục T.H.A DS thị xã M*
- *UBND phường B*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Thẩm phán

Trần Ngọc Lâm